TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Bùi Văn Phục

Ông Nguyễn Thành Quyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Mai Thị Trúc L, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn D, sinh năm 1976
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Mai Thị Trúc L trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Văn D tự nguyện sống chung vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Do đó, từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2006, hiện đã thành niên và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cầu được ly hôn với bị đơn; con chung đã thành niên và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không yêu cầu; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là ông Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hay do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa các đương sự tuy không lớn, nhưng các đương sự không tìm được giải pháp để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mà lựa chọn sống ly thân. Thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Xét con chung của các đương sự thành niên và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, bị đơn không có mặt để xác định có tài sản chung, nợ chung hay không nên không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác nếu có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Thị Trúc L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Trúc L được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

1.2. Về con chung: Không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Mai Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006895 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- UBND xã Thạnh Hòa, H. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng